TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 220/2022/DS-PT
Ngày 27/7/2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Ngô Tự Học;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Đặng Đình Lực.

Thư ký Toà án: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Minh Thành, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 124/2020/TLPT-DS ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản; yêu cầu tuyên bố văn bản phân chia thừa kế vô hiệu; hủy quyết định cá biệt", do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 20 tháng 12 năm 2019 của Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6033/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:***

- Ông Phạm Quang V, sinh năm 1973; vắng mặt. Ông V ủy quyền cho bà Phương.

- Bà Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1972; có mặt.

Cùng địa chỉ: xóm 4, xã Khai S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An; ông V vắng mặt, ủy quyền cho bà Ph; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Các luật sư Nguyễn Quang H, Nguyễn Thị H1 - Văn phòng luật sư số 1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An; đều có mặt.

**** Bị đơn:*** Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1975; địa chỉ: xóm 6, xã Khai S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1946; vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1946; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: xóm 6, xã Khai S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An.

3. Ông Nguyễn Hữu T1, sinh năm 1974; địa chỉ: Khối 6A, thị trấn Anh S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

4. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1995; hiện lao động hợp pháp tại Hàn Quốc; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Q: Chị Trần Thúy Q, sinh năm 1997; địa chỉ: số 10 đường Hồ Sỹ D, khối 23, phường Hưng B, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

5. Cháu Nguyễn Thị Hương Ng, sinh ngày 07/7/2003; vắng mặt.

6. Cháu Nguyễn Hữu Ph1, sinh này 20/11/2012; vắng mặt.

Người giám hộ của cháu Ng và cháu Ph1: Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1975; địa chỉ: xóm 6, xã Khai S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An; vắng mặt.

7. Ủy ban nhân dân huyện Anh S, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Xuân C - Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

8. Ủy ban nhân dân xã Khai S, huyện Anh S, tỉnh Nghệ An;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hà Văn L - Phó Chủ tịch; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 26/6/2019, bản tự khai, nguyên đơn ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H2 có vay của vợ chồng ông bà nhiều lần với tổng số tiền 1.194.000.000 đồng, cụ thể như sau:

1. Ngày 18/02/2017, vợ chồng bà H2, ông Đ vay ông V, bà Ph số tiền 145.000.000 đồng; ngày 18/3/2017 bà H2 đã trả được 5.000.000 đồng còn nợ 140.000.000 đồng.

2. Ngày 04/4/2017, vợ chồng bà H2, ông Đ vay ông V, bà Ph số tiền 72.000.000 đồng.

3. Ngày 22/4/2017, vợ chồng bà H2, ông Đ vay ông V, bà Ph số tiền 120.000.000 đồng. Ngày 22/5/2017 bà H2 đã trả được 5.000.000 đồng còn nợ 115.000.000 đồng.

4. Ngày 06/7/2017, vợ chồng bà H2, ông Đ vay ông V, bà Ph 60.000.000 đồng.

5. Ngày 26/6/2018 vợ chồng bà H2, ông Đ và chị Nguyễn Thị Q (con gái ông Đ, bà H2) vay ông V, bà Ph số tiền 450.000.000 đồng. Hẹn thời điểm trả nợ theo 04 kỳ là: Ngày 26/12/2018 trả 100.000.000 đồng, ngày 26/5/2019 trả 100.000.000 đồng; ngày 26/10/2019 trả 100.000.000 đồng; ngày 26/3/2020 trả 150.000.000 đồng, chưa đến thời hạn trả nợ, nguyên đơn rút yêu cầu bà H2 trả 50.000.000 đồng. Chị Q đồng ý trả trước hạn phần của chị Q là 50.000.000 đồng còn phần của ông Nguyễn Hữu Đ yêu cầu các hàng thừa kế có nghĩa vụ trả nợ 50.000.000 đồng. Đối với khoản nợ đã chia kỷ phần này là 50.000.000 đồng phần của bà H2 chưa đến hạn trả tại phiên tòa nguyên đơn rút yêu cầu đối với kỷ phần của bà H2 nên tòa không xem xét.

6. Ngày 02/8/2018 vợ chồng ông Đ, bà H2 và chị Q (con gái ông Đ, bà H2) vay ông V, bà Ph 150.000.000 đồng, hẹn 06 tháng sau sẽ trả.

7. Ngày 21/01/2019 bà H2 vay ông V, bà Ph số tiền 107.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sẽ trả tiền.

8. Ngày 26/02/2019 bà H2 vay ông V, bà Ph số tiền 100.000.000 đồng, hẹn 01 tháng sẽ trả.

Theo thỏa thuận của giấy vay tiền và các hợp đồng vay tiền, vợ chồng ông Đực, bà H2 có trách nhiệm trả đủ số tiền vào các ngày trong tháng tiếp theo và theo hạn trả nợ như trong giấy vay tiền đã cung cấp cho Tòa án. Hiện nay, đã quá hạn vay theo quy định nhưng vợ chồng ông Đ, bà H2 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Ngày 18/8/2018 ông Nguyễn Hữu Đ qua đời, khi chết không để lại di chúc.

Ông V, bà Ph yêu cầu bà H2 trả nợ và các hàng thừa kế theo pháp luật thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại.

Hàng thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Hữu Đ gồm: Bà Nguyễn Thị H2 (vợ ông Đ); ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị N (bố mẹ đẻ ông Đ); chị Nguyễn Thị Q, cháu Nguyễn Thị Hương Ng, cháu Nguyễn Hữu Ph1 (con đẻ ông Đ).

Nay ông, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà H2 thanh toán khoản nợ và yêu cầu các đồng thừa kế của ông Đ thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 13/8/2019, ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph bổ sung nội dung khởi kiện yêu cầu hủy bỏ Văn bản phân chia thừa kế theo pháp luật của ông Nguyễn Hữu Đ lập tháng 8/2018 được UBND xã Khai S chứng thực số 246 quyển số 01-2018 ngày 30/8/2018. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Anh S với nội dung: Bà Nguyễn Thị H2 nhận thừa kế một phần thửa đất 119, tờ bản đồ số 6, diện tích 126m^2 và ông Nguyễn Hữu T1 được giám hộ 11,5m^2 của

cháu Nguyễn Hữu Ph1 cho đến khi đủ tuổi thành niên, theo Văn bản nhân chia thừa kế số 246/01 ngày 06/9/2018 lập tại UBND xã Khai S.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị H2 trình bày:*

Bà không nhớ ngày tháng, nhưng bà và chồng là ông Nguyễn Hữu Đ và con gái đầu của bà có vay của vợ chồng ông V, bà Ph số tiền 600.000.000 đồng. Nhưng vì chồng bà chết đột ngột nên bà chưa có tiền trả nợ. Số tiền còn lại là tiền phường và tiền lãi phường giữa bà và vợ chồng bà Ph chưa tính toán lại với nhau. Bà thừa nhận có nợ vợ chồng bà Ph, ông V. Còn yêu cầu hủy văn bản phân chia thừa kế và quyết định cấp giấy chứng nhận cho bà thì bà không đồng ý hủy.

** Chị Nguyễn Thị Q và đại diện theo ủy quyền của chị Q là chị Trần Thúy Q trình bày*:

Chị thừa nhận chị đã cùng với cha là ông Đ và mẹ là bà H2 có ký vay một số tiền như bà Ph, ông V trình bày, chị đồng ý để lại toàn bộ phần di sản thừa kế được hưởng từ cha chị là ông Nguyễn Hữu Đ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với số tiền ông Đ và chị đã vay của ông V, bà Ph.

** Đại diện UBND xã Khai S trình bày*:

Ngày 02/11/201 1, UBND huyện Anh S, tỉnh Nghệ An đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 86461 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 6, diện tích 138m^2 cho chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H2. Ngày 18/8/2018 ông Nguyễn Hữu Đ chết, ngày 20/8/2018 những người thừa kế của ông Đ đã đến UBND xã Khai S đề nghị chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế. UBND xã Khai S đã tiến hành thông báo và niêm yết. Ngày 06/9/2018 UBND xã Khai S đã chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế vào sổ chứng thực 246, quyển số 01.2018. Việc UBND xã Khai S thực hiện việc chứng thực theo ý chí tự nguyện của các đồng thừa kế và thực hiện đúng quy định của Nghị định số 20/2015/NĐ-CP, Nghị định số 23/2015/ NĐ-CP, Thông tư số 226/2016/TT-BTC. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An căn cứ các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án đảm bảo lợi ích của các đương sự.

** Đại diện UBND huyện Anh S trình bày*:

Ngày 02/11/2011, UBND huyện Anh S, tỉnh Nghệ An đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 086461 đối với thửa đất số 119, tờ bản đồ số 6 cho chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H2. Ngày 06/9/2018, UBND huyện Anh S, tỉnh Nghệ An đã tiến hành ghi nhận sự thay đổi tại trang 3 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với nội dung thay như sau: Bà Nguyễn Thị H2 nhận thừa kế một phần thửa đất số 119, tờ bản đồ số 6, diện tích 126,5m^2 và ông Nguyễn Hữu T1 được giám hộ cho cháu Nguyễn Hũu Ph1 cho đến khi đủ tuổi thành niên. Việc UBND

huyện Anh S ghi nhận thay đổi nội dung trên bởi vì căn cứ vào văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế đã được UBND xã Khai S chứng thực số 246, quyển số 01.2018 ngày 06/9/2018 và các tài liệu liên quan. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 20/12/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An đã quyết định: Căn cứ khoản 2, khoản 11 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 470, Điều 611, Điều 614, Điều 615, Điều 620, Điều 623, Điều 658 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quang V, bà Nguyễn Thị Ph.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph số tiền 550.500.000đ (Năm trăm năm mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Buộc chị Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

3. Buộc bà Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị N, cháu Nguyễn Thị Hương Ng, cháu Nguyên Hữu Ph1 (cháu Ng và cháu Ph1 do bà H2 là mẹ đẻ giám hộ) là hàng thừa kế thứ nhất hưởng di sản của ông Nguyễn Hữu Đ để lại có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph 393.500.000đ (Ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng), trong phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu Đ để lại.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) chưa đến hạn thanh toán.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Hủy Văn bản phân chia thừa kế của ông Nguyễn Hữu Đ do những người thừa kế của ông Nguyễn Hữu Đ lập tháng 8/2018, được Ủy ban nhân dân xã Khai S chứng thực ngày 30/8/2018.

5. Hủy nội dung "Bà Nguyễn Thị H2 được thừa kế một phần thửa đất 119 tờ bản đồ số 6, diện tích 126,5m^2 và ông Nguyễn Hữu T1 được giám hộ 11,5m^2 cho cháu Nguyễn Hữu Ph1 cho đến khi đủ tuổi thành niên theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 246/01 ngày 06/9/2018 lập tại UBND xã Khai S ghi tại trang 3 mục IV trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 086461 do UBND huyện Anh

S cấp ngày 02/11/2011 mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H2.

Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị N, cháu Nguyễn Thị Hương Ng, cháu Nguyễn Hữu Ph1 (cháu Ng và cháu Ph1 do bà H2 mẹ đẻ giám hộ) phải chịu 15.700.000đ (Mười lăm triệu bảy trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Trả lại cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph số tiền tạm ứng án phí 23.910.000đ theo Biên lai số AA/2018/0003963 ngày 02/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/01/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An có Quyết định kháng nghị số 05/QĐKNPT-VKS-DS đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận việc ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện Anh S cho ông Đặng Duy Đô - Trưởng phòng Tài nguyên Môi trường huyện Anh S; sửa phần tính lãi đối với số tiền chậm trả; buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; chia kỷ phần án phí đối với từng người và miễn án phí cho ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị N (là người cao tuổi) và cháu Nguyễn Hữu Ph1 (là trẻ em).

Ngày 15/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị N có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn bà Nguyễn Thị H2, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Thế T, chị Nguyễn Thị Q, cháu Nguyễn Thị Q, anh Nguyễn Hữu T1, cháu Nguyễn Thị Hương Ng, cháu Nguyễn Hữu Ph1 đều vắng mặt vắng mặt không có lý do.

Điện của UBND huyện Anh S có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn ông Phạm Quang V vắng mặt và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Ph. Bà Ph nhất trí với bản án sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình bà.

Đại diện UBND xã Khai S đề nghị Tòa án căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N kháng cáo đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt, coi như bà N đã từ bỏ việc kháng cáo, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản, trong đó người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Q hiện nay đang lao động tại Hàn Quốc, trước khi xuất khẩu lao động chị Q cư trú tại xã Khai S, huyện Anh S, đồng thời người khởi kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND huyện Anh S đã cấp lại cho bà H2, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An giải quyết vụ án là đúng pháp luật theo khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 34 và Điều 37, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An và đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trong hạn luật định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Vụ án đã mở phiên tòa lần thứ ba, nguyên đơn ông V vắng mặt đã ủy quyền cho bà Ph; bị đơn bà H2 và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông T, bà N, chị Q, anh T1, cháu Ng, cháu Ph1 đều vắng mặt không có lý do, các đương sự đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N có kháng cáo, được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do, do đó coi như bà N từ bỏ việc kháng cáo, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị N.

Xét kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An, Hội đồng xét xử thấy:

Chủ tịch UBND huyện Anh S là người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Anh S ủy quyền cho ông Đặng Duy Đô - Trưởng phòng Tài nguyên Môi

trường huyện Anh S tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, do đó Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận việc ủy quyền này là có căn cứ đúng pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Tòa án cấp sơ thẩm tuyên *"kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự"* là xác định trách nhiệm đối với việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chậm trả tiền thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự là đúng quy định của pháp luật. Do đó không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị N, cháu Nguyễn Thị Hương Ng, cháu Nguyễn Hữu Ph1 là hàng thừa kế thứ nhất hưởng di sản thừa kế của ông Đ để lại có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Quang V, bà Nguyễn Thị Ph số tiền 393.500.000 đồng trong phần di sản thừa kế của ông Đ để lại là đúng pháp luật, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại tuyên buộc bà H2, chị Q, ông T, bà N, cháu Ng, cháu Ph1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 17.500.000 đồng nhưng không chia kỷ phần án phí cho mỗi người phải chịu là thiếu sót, gây khó khăn cho việc thi hành án. Mặt khác ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị N đều sinh năm 1946, là người cao tuổi theo Điều 2 Luật người cao tuổi; cháu Nguyễn Thị Hương Ng sinh năm 2003, cháu Nguyễn Hữu Ph1 sinh năm 2012 (đều do bà H2 giám hộ) là trẻ em theo Điều 1 Luật trẻ em, do vậy căn cứ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì ông T, bà N, cháu Ng, cháu Ph1 thuộc trường hợp được miễn án phí. Do đó cần chấp nhận nội dung kháng nghị này của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An để sửa bản án sơ thẩm xác định kỷ phần án phí mỗi người phải chịu đồng thời miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông T, bà N, cháu Ng, cháu Ph1.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N là người cao tuổi nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309, Điều 312 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

I. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N;

Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 05/QĐKNPT-VKS-DS ngày 03/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An;

Sửa phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm số 34/2019/DS-ST ngày 20/12/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An, cụ thể như sau:

Căn cứ khoản 2, khoản 11 Điều 26, Điều 34, Điều 37, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 464, Điều 465, Điều 466, Điều 470, Điều 611, Điều 614, Điều 615, Điều 620, Điều 623, Điều 658 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quang V, bà Nguyễn Thị Ph.

1. Buộc bà Nguyễn Thị H2 có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph số tiền 550.500.000đ (Năm trăm năm mươi triệu năm trăm ngàn đồng).

2. Buộc chị Nguyễn Thị Q có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng).

3. Buộc bà Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Q, ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị N, cháu Nguyễn Thị Hương Ng, cháu Nguyên Hữu Ph1 (cháu Ng và cháu Ph1 do bà H2 là mẹ đẻ giám hộ) là hàng thừa kế thứ nhất hưởng di sản của ông Nguyễn Hữu Đ để lại có nghĩa vụ trả nợ cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph số tiền 393.500.000đ (Ba trăm chín mươi ba triệu năm trăm ngàn đồng), trong phần di sản thừa kế của ông Nguyễn Hữu Đ để lại.

Đình chỉ yêu cầu của ông Nguyễn Quang V và bà Nguyễn Thị Ph yêu cầu bà Nguyễn Thị H2 trả 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) chưa đến hạn thanh toán.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bên phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự.

4. Hủy Văn bản phân chia thừa kế của ông Nguyễn Hữu Đ do những người thừa kế của ông Nguyễn Hữu Đ lập tháng 8/2018, được Ủy ban nhân dân xã Khai S chứng thực ngày 30/8/2018.

5. Hủy nội dung "Bà Nguyễn Thị H2 được thừa kế một phần thửa đất 119 tờ bản đồ số 6, diện tích 126,5m^2 và ông Nguyễn Hữu T1 được giám hộ 11,5m^2 cho cháu Nguyễn Hữu Ph1 cho đến khi đủ tuổi vị thành niên theo Văn bản thỏa thuận phân chia di sản số 246/01 ngày 06/9/2018 lập tại UBND xã Khai S" ghi tại trang 3 mục IV trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 086461 do UBND huyện

Anh S cấp ngày 02/11/2011 mang tên người sử dụng đất ông Nguyễn Hữu Đ và bà Nguyễn Thị H2.

II. Về án phí:

1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị H2 phải chịu 26.000.000đ (Hai mươi sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Chị Nguyễn Thị Q phải chịu 10.000.000đ (Mười triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị Q, mỗi người phải chịu 2.617.000đ (Hai triệu sáu trăm mười bảy ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Thế T, bà Nguyễn Thị N, cháu Nguyễn Thị Hương Ng, cháu Nguyễn Hữu Ph1.

- Ông Phạm Quang V, bà Nguyễn Thị Ph không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị Ph số tiền tạm ứng án phí 23.910.000đ đã nộp theo Biên lai số AA/2018/0003963 ngày 02/7/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Nghệ An.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị N.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Nghệ An;*
- *VKSND tỉnh Nghệ An;*
- *Cục THADS tỉnh Nghệ An;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu HS, PHCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Tự Học